

### **Thông tin chung**

---

Năm Năm 2010  
Tên công ty CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG  
Địa chỉ 14 Nguyễn Xuân Khoát, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM  
Báo cáo Báo cáo tài chính  
Niên độ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Tổng Giám Đốc Lê Văn Bảy  
Kế Toán Trưởng Nguyễn Nhật Trinh  
Người lập biểu  
Tel  
Fax  
Mail  
Ngày lập BCTC Lập, Ngày tháng năm 2011

### **Kiểm soát số liệu**

---



*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG**

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 8205.944 - 8205.947; Fax: 8205.942

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### **Công ty**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG** được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301971894, đăng ký lần đầu, ngày 21/04/2000 (Số ĐKKD gốc: 4102000824, số ĐKKD: 4103007768), MSDN 0301971894, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14/09/2009, đăng ký lại lần thứ 1 ngày 10/09/2009.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Xây dựng

### **Ngành nghề kinh doanh:**

Xây dựng dân dụng – công nghiệp – thủy lợi. Sửa chữa nhà và trang trí nội thất. Xây dựng, sửa chữa cầu đường. San lấp vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng – giao thông vận tải. Thi công hệ thống cấp – thoát nước, xử lý nước sạch và nước thải (không xử lý tại trụ sở).

### **Hình thức sở hữu vốn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG**, do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn, vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2010 là **18.000.000.000 VND (Mười tám tỷ đồng)**.

<b>Hội đồng Quản trị Công ty</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Lê Văn Bảy	Chủ tịch
Ông Hoàng Trọng Tam Long	Ủy viên
Ông Phùng Ngọc Bảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	Ủy viên
Bà Mai Thị Hồng Thu	Ủy viên
<b>Ban Kiểm soát Công ty</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Nguyễn Thị Hương Thủy	Trưởng ban
Ông Hồ Ngọc Anh	Thành viên
Ông Phan Quốc Bảo	Thành viên
<b>Ban Giám đốc Công ty</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Lê Văn Bảy	Giám đốc
Ông Trần Tươi	Phó Giám đốc
<b>Kế toán trưởng Công ty</b>	
Bà Nguyễn Nhật Trinh	

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

### **Các sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ lập báo cáo tài chính.**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị **Công Ty Cổ Phần Xây dựng Huy Thắng** phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

*TP. HCM, ngày 24 tháng 3 năm 2011*

**TM. Hội đồng Quản trị**

**TM. Ban Giám đốc Công ty**

**Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc**

**Lê Văn Bảy**

Số : ...../BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG*

**Kính gửi: Các Cổ đông CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/02/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang **06 đến trang 24**.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến:***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên:***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*TP. HCM, ngày 24 tháng 3 năm 2011*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Tuấn**  
Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

**Trần Văn Khoa**  
Chứng chỉ KTV số: 0159/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>69,967,208,998</b>	<b>78,407,398,232</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	VI.01	<b>12,036,487,280</b>	<b>7,407,533,261</b>
1. Tiền	111		12,036,487,280	7,407,533,261
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	VI.02	<b>3,000,000,000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3,000,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	VI.03	<b>2,131,432,883</b>	<b>16,758,616,030</b>
1. Phải thu khách hàng	131		996,782,204	821,166,113
2. Trả trước cho người bán	132		1,134,650,679	932,498,861
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	15,004,951,056
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	VI.04	<b>51,042,579,383</b>	<b>53,057,356,318</b>
1. Hàng tồn kho	141		51,042,579,383	53,057,356,318
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,756,709,452</b>	<b>1,183,892,623</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	184,027,184
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41,577,452	999,865,439
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.05	1,715,132,000	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>11,661,169,583</b>	<b>2,851,440,475</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10,096,358,269</b>	<b>1,436,731,481</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.06	2,658,440,304	1,436,731,481
- Nguyên giá	222		6,009,515,432	4,391,024,306
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3,351,075,128)	(2,954,292,825)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.07	7,437,917,965	-
- Nguyên giá	228		7,437,917,965	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	VI.08	<b>1,564,811,314</b>	<b>1,414,708,994</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,556,609,914	1,374,361,485
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		8,201,400	40,347,509
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>81,628,378,581</b>	<b>81,258,838,707</b>

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

*Đơn vị tính: VND*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>60,135,240,150</b>	<b>61,712,341,399</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	VI.09	<b>60,135,240,150</b>	<b>61,685,341,399</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		14,443,260,567	4,408,000,000
2. Phải trả người bán	312		6,941,674,460	6,098,822,611
3. Người mua trả tiền trước	313		36,586,549,149	50,182,250,900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2,164,944,300	1,007,166,014
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		14,362,000	9,487,200
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(15,550,326)	(20,385,326)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	VI.10	<b>-</b>	<b>27,000,000</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334			27,000,000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>21,493,138,431</b>	<b>19,546,497,308</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	VI.11	<b>21,493,138,431</b>	<b>19,546,497,308</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18,000,000,000	18,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		67,760,919	67,760,919
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3,425,377,512	1,478,736,389
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>81,628,378,581</b>	<b>81,258,838,707</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2011

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Nguyễn Nhật Trinh**

**Lê Văn Bảy**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.12	73,607,916,488	33,601,132,078
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.13	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.14	73,607,916,488	33,601,132,078
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.15	64,441,885,309	29,001,627,790
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9,166,031,179	4,599,504,288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	594,982,647	25,768,266
7. Chi phí tài chính	22	VI.17	718,692,364	292,318,689
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		718,692,364	292,318,689
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,750,930,843	2,711,522,364
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		4,291,390,619	1,621,431,501
12. Chi phí khác	32	VI.18	151,899,841	47,696,525
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(151,899,841)	(47,696,525)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4,139,490,778	1,573,734,976
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19	1,072,847,655	283,750,513
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3,066,643,123	1,289,984,463
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,704	810

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Nhật Trinh

Lê Văn Bảy

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUY THẮNG được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301971894, đăng ký lần đầu, ngày 21/04/2000 (Số ĐKKD gốc: 4102000824, số ĐKKD: 4103007768), MSDN 0301971894, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14/09/2009, đăng ký lại lần thứ 1 ngày 10/09/2009.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng dân dụng – công nghiệp – thủy lợi. Sửa chữa nhà và trang trí nội thất. Xây dựng, sửa chữa cầu đường. San lấp vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng – giao thông vận tải. Thi công hệ thống cấp – thoát nước, xử lý nước sạch và nước thải (không xử lý tại trụ sở).

### II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật kế toán Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.

#### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

### IV Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

### V Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

##### 1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (01 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn (trên 01 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

**2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định****4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 14 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 04 năm

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### 6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả thương mại và phải thu, phải trả khác

Các khoản khoản phải thu, phải trả thương mại và phải thu, phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 09. Nguồn vốn chủ sở hữu

#### *Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên. Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### *10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
<b>1.1-Tiền mặt</b>	<b>12,026,471,522</b>	<b>7,397,122,987</b>
- Tiền VND	12,026,471,522	7,397,122,987
<b>1.2-Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>10,015,758</b>	<b>10,410,274</b>
- Tiền gửi VND	10,015,758	10,410,274
Ngân hàng No&PTNT Long An	1,397,590	3,461,981
Ngân hàng No&PTNT Tân Phú	3,664,141	4,783,356
Ngân hàng No&PTNT Tân Bình	1,208,041	1,158,841
Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	3,745,986	
Ngân hàng Techcombank	-	1,006,096
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>12,036,487,280</b>	<b>7,407,533,261</b>
<b>2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>Tại ngày 01/01/2010</b>
Cho Bà Nguyễn Thị Hiền vay (*)	3,000,000,000	-
(*) Theo hợp đồng vay giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Hiền ngày 02/01/2010, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 1,2%/tháng, số tiền vay 3.000.000.000 đồng.		
<b>3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>	<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>Tại ngày 01/01/2010</b>
<b>3.1-Phải thu khách hàng</b>	<b>996,782,204</b>	<b>821,166,113</b>
- Trung tâm QLDHVTHK công cộng		66,208,400
- UBND Quận 6	12,138,613	12,138,613
- Công ty Sữa Vimamilk - Nhà máy sữa Vinamilk		398,871,100
- Ban QLDAXD CTVH Long An - Khu DT LS Vàm Nhứt Tào		343,948,000
- Ban QLDAXD CTVH Long An - Khu DT LS CM Long An	984,643,591	
<b>3.2-Trả trước cho người bán</b>	<b>1,134,650,679</b>	<b>932,498,861</b>
- Cty TNHH TM DV PCCC 4/10	203,425,100	61,370,100
- Cty CP DT- CN Sài Gòn Secoin		260,300,000
- DNTN Đạt Hạnh		218,724,300
- Công ty TNHH TB PT Hòa Phát	158,482,170	
- Công ty TNHH Long Vân NTV	100,000,000	
- Công ty TNHH DV TM sắt thép Minh Phát	75,285,939	
- Công ty TNHH TM DV Minh Phát	340,000,000	
- Công ty TNHH Ngân Hà	89,823,773	
- Khác	167,633,697	392,104,461
<b>3.5-Các khoản phải thu khác</b>	<b>-</b>	<b>15,004,951,056</b>
- Ứng cho ông Lê Văn Bảy (làm thủ tục mua 2 căn nhà 14-14A Nguyễn Xuân Khoát)		15,000,000,000
- Khác		4,951,056

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Cộng các khoản phải thu ngắn hạn

2,131,432,883

16,758,616,030

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

4. HÀNG TỒN KHO	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
<b>4.1- Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>51,042,579,383</b>	<b>53,057,356,318</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	2,094,417,133	6,832,742,438
- Chi phí SX, KD DD	48,948,162,250	46,224,613,880
<i>CT KDTLS Long An-Bình Thành Đức Huệ</i>	2,306,639,214	9,300,257,063
<i>CT Khu công viên tượng đài Long An</i>	5,502,204,123	7,491,213,614
<i>CT Trường THPT Tân An</i>	3,255,720,997	3,451,943,748
<i>CT Kè Sóng Bảo Định</i>	918,410,232	2,259,345,556
<i>CT Khu di tích lịch sử Vàm Nhật Tảo</i>	1,077,033,248	1,488,355,352
<i>CT Trường Mộc Hóa</i>	11,498,094,385	5,571,873,321
<i>CT Trường THPT Đức Hòa</i>	52,103,464	1,494,979,198
<i>CT Trường Dạy Nghề Đức Hòa</i>	9,156,978,394	8,875,839,617
<i>CT Trường trung cấp nghề Đức Hòa</i>		2,620,771,690
<i>CT Bệnh viện Hậu Nghĩa</i>	12,183,341,637	
<i>CT Nhà văn hóa Đức Hòa</i>	2,997,636,556	
<i>CT Khác</i>		3,670,034,721
<b>4.2-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>51,042,579,383</b>	<b>53,057,356,318</b>
<b>5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>Tại ngày 01/01/2010</b>
<b>5.1- Tạm ứng</b>	<b>1,715,132,000</b>	-
- Hồ Ngọc Anh	621,500,000	
- Phan Quốc Bảo	205,000,000	
- Hồ Văn Khanh	186,500,000	
- Anh Nghiêm	137,449,000	-
- Trần Thị Bích Lan	115,150,000	-
- Anh Sơn	99,418,000	
- Thái Bình	86,000,000	
- Anh Cường	77,339,000	
- Anh Dũng	55,133,000	
- Đối tượng khác	131,643,000	-
<b>5.2-Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn</b>	-	
<b>Cộng tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1,715,132,000</b>	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1 Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	-	2,170,979,794	2,029,025,713	191,018,799	4,391,024,306
<b>2 Tăng trong năm 2010</b>	<b>1,562,082,035</b>	<b>27,909,091</b>	-	<b>28,500,000</b>	<b>1,618,491,126</b>
- Mua trong năm	1,562,082,035	27,909,091	-	28,500,000	1,618,491,126
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>3 Giảm trong năm 2010</b>	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>4 Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>1,562,082,035</b>	<b>2,198,888,885</b>	<b>2,029,025,713</b>	<b>219,518,799</b>	<b>6,009,515,432</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1 Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	-	1,657,391,978	1,113,215,369	183,685,478	2,954,292,824
<b>2 Tăng trong năm 2010</b>	<b>32,543,376</b>	<b>131,119,380</b>	<b>225,786,228</b>	<b>7,333,321</b>	<b>396,782,304</b>
- Khấu hao trong năm	32,543,376	131,119,380	225,786,228	7,333,321	396,782,304
- Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>3 Giảm trong năm 2010</b>	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>4 Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>32,543,376</b>	<b>1,788,511,357</b>	<b>1,339,001,597</b>	<b>191,018,798</b>	<b>3,351,075,128</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1 Tại ngày 01/01/2010</b>	-	513,587,817	915,810,344	7,333,322	1,436,731,482
<b>2 Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>1,529,538,659</b>	<b>410,377,528</b>	<b>690,024,117</b>	<b>28,500,001</b>	<b>2,658,440,304</b>

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2010 đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay : 1,529,538,659  
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2010 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 1,495,765,260

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**07. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phầm mềm kế toán	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
<b>1. Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	-	-	-
2. Tăng trong năm	7,437,917,965	-	7,437,917,965
3. Giảm trong năm	-	-	-
<b>4. Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>7,437,917,965</b>	-	<b>7,437,917,965</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>1. Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	-	-	-
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
<b>4. Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
<b>1. Tại ngày 01/01/2010</b>	-	-	-
<b>2. Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>7,437,917,965</b>	-	<b>7,437,917,965</b>

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2010 đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay 7,437,917,965

**08. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
<b>8.1- Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1,556,609,914</b>	<b>1,374,361,485</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,556,609,914	1,374,361,485
<b>8.3- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>8,201,400</b>	<b>40,347,509</b>
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	8,201,400	40,347,509
<b>Cộng tài sản dài hạn khác</b>	<b>1,564,811,314</b>	<b>1,414,708,994</b>

**09. NỢ NGẮN HẠN**

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
<b>9.1-Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>14,443,260,567</b>	<b>4,408,000,000</b>
<b><u>Vay ngắn hạn</u></b>	<b>14,443,260,567</b>	<b>4,408,000,000</b>
- Ngân hàng NN & PTNT - CN Tân Phú		4,408,000,000
- Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex (*)	14,443,260,567	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

(\*) Hợp đồng vay số 0145/HĐTD/PN/PGBLA/10 ngày 15/09/2010, hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn chấm dứt ngày 15/09/2011.

Tài sản thế chấp gồm:

1. Đất ở và nhà 14 A Nguyễn Xuân Khoát, P. Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP. HCM (Trị giá tài sản thế chấp: 4.001.060.000 đồng) là tài sản của Công ty Cổ phần Xây dựng Huy Thắng.
2. Tài sản của bà Trần Thị Bích Sơn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của bà Trần Thị Bích Sơn tại địa chỉ số 14 Nguyễn Xuân Khoát, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP. HCM.
3. Tài sản của bà Nguyễn Thị Hiền là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP. HCM (Trị giá tài sản thế chấp: 1.990.170.000 đồng).
4. Tài sản của bà Nguyễn Thị Hiền gồm: đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 293/26A Bàu Cát, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. HCM; Và đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 108/4/16A Trần Mai Ninh, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. HCM.

<b>9.2-Phải trả người bán</b>	<b>6,941,674,460</b>	<b>6,098,822,611</b>
-DNTN Huỳnh Mai		603,356,999
-Cty TNHH SX TM XD Minh Khôi	171,607,041	272,131,950
-Cty TNHH SX TM DV Như Ý		446,255,148
-Cty TNHH CN XD Quảng Đà	110,000,000	295,238,095
-Cty TNHH Phương Đạt	978,351,059	1,029,181,559
-Cửa hàng Phước Thạnh	834,970,500	1,117,962,553
-Công ty CP TM Thành Công	1,045,000,000	1,573,155,584
-DNTN TM Thế Vinh		106,561,078
-Công ty TNHH MTV TM DV Huỳnh Hoàng Ân	164,852,500	
-Công ty TNHH TM DV Quang Phát	555,797,256	
-Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn Secoin	273,622,512	
-DNTN Tài Phát Đạt	977,524,950	
-Công ty TNHH MTV XD cơ khí Tân Bình Tanimex	189,010,185	
-DNTN Thế Anh	177,820,383	
-Công ty TNHH Tân Tiến Mỹ	231,097,960	
-DNTN Tấn Hưng 1	161,281,525	
-Nhà máy VLXD Tuynel Đức Hòa	318,767,698	
-Khu Di tích lịch sử CM Long An	137,480,187	
-Khác	614,490,704	654,979,645
<b>9.3-Người mua trả trước</b>	<b>36,586,549,149</b>	<b>50,182,250,900</b>
Trường Dạy Nghề Đức Hòa	9,033,956,000	7,524,169,600
Bệnh viện Hậu Nghĩa	11,297,449,000	7,771,000,000
Trường THPT Đức Hòa	2,000,000,000	2,831,299,000
Ban QLDAXDCTVH - Tượng Đài	2,451,000,000	9,376,804,000
Trường Mộc Hóa	6,052,089,543	8,624,708,000
Trường Tân An	1,886,552,179	4,119,367,000
Nhà văn hóa Đức Hòa	3,865,502,427	4,828,957,700
Khu Di tích lịch sử CM Long An		5,104,153,600
Khác		1,792,000
<b>9.4-Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>2,164,944,300</b>	<b>1,007,166,014</b>
- Thuế giá trị gia tăng	1,043,341,243	723,415,501
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,121,603,057	283,750,513
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

<b>9.9- Các khoản phải trả khác</b>	<b>14,362,000</b>	<b>9,487,200</b>
- Kinh phí công đoàn	14,362,000	9,487,200
<b>9.11- Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>(15,550,326)</b>	<b>(20,385,326)</b>
<b>Cộng nợ ngắn hạn</b>	<b>60,135,240,150</b>	<b>61,685,341,399</b>
<b>10. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>Tại ngày</b>	<b>Tại ngày</b>
	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
9.3-Vay và nợ dài hạn	-	27,000,000
<i>Vay Ngân hàng Techcombank</i>		<i>27,000,000</i>
<b>Cộng nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>27,000,000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại ngày 01/01/2009</b>	<b>15,000,000,000</b>	-	<b>67,760,919</b>	-	<b>188,751,926</b>
Tăng vốn trong năm					
Lãi/lỗ sau thuế năm 2009	-	-	-	-	1,289,984,463
Tăng khác					
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009 (Số dư tại ngày 01/01/2010)</b>	<b>15,000,000,000</b>	-	<b>67,760,919</b>	-	<b>1,478,736,389</b>
Lãi/lỗ sau thuế năm 2010	-	-	-	-	3,066,643,123
Tăng vốn trong năm	3,000,000,000				
Giảm vốn trong năm					
Chia cổ tức					(1,080,000,000)
Trích các quỹ					(40,000,000)
Giảm khác					(2,000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>18,000,000,000</b>	-	<b>67,760,919</b>	-	<b>3,425,377,512</b>
	-	-	-	-	<b>0</b>

(\*) **Ghi chú:**

Lợi nhuận năm còn lại tại ngày 31/12/2010 sẽ được phân phối sau khi có quyết định chính thức của Đại hội cổ đông.